

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 01 đến 10/8/ 2026)

1. Lưu vực sông Hồng

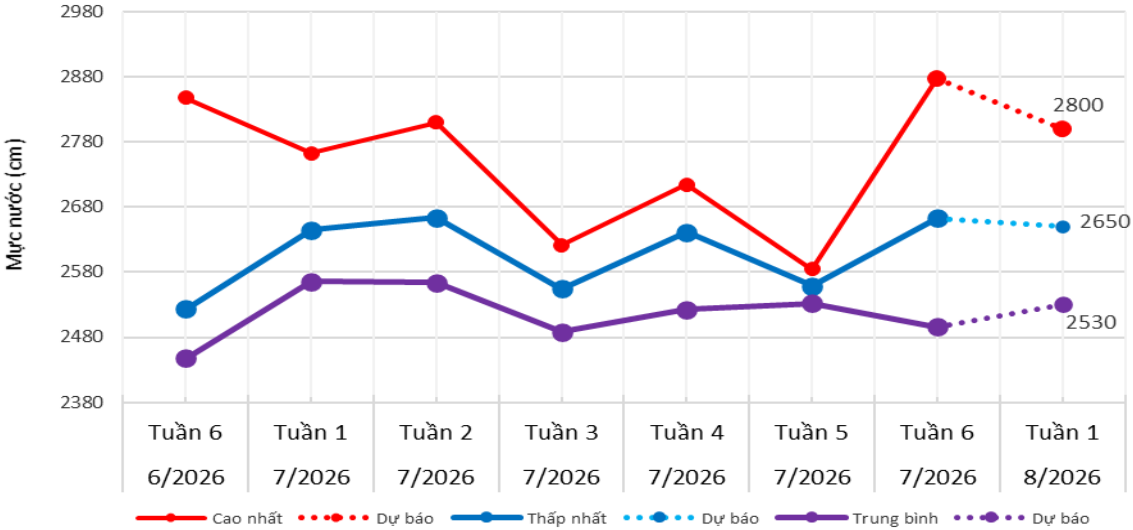
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong 6 ngày qua, trên sông Thao xuất hiện 01 đợt lũ với biên độ lũ lên từ 2-4m. Đỉnh lũ tại trạm Yên Bái là 28,78m (9h/30/7), trạm Phú Thọ là 14,24m (13h/30/7) đều ở dưới mức BĐ1. Hiện nay, mực nước trên sông Thao đang xuống.
- Sông Lô: Mực nước tại trạm Tuyên Quang và trạm Vụ Quang có dao động và duy trì ở mức cao do mưa trên toàn lưu vực và hồ thủy điện Tuyên Quang duy trì mở 1 cửa xả đáy từ 16h ngày 24/7/2026.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình chủ yếu dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên và có sự gia tăng do ảnh hưởng của mưa trên lưu vực ngày 27-29/7.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội đã xuất hiện 01 dao động tăng (do ảnh hưởng của mưa lũ trên sông Thao và chịu ảnh hưởng theo điều tiết của thủy điện tuyến trên).

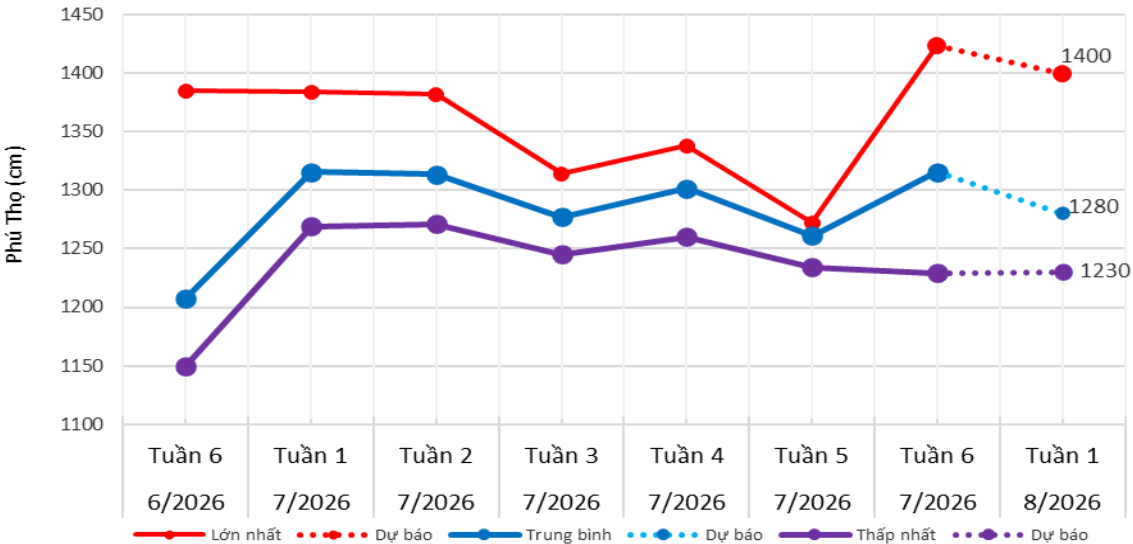
b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong 5 ngày tới, trên sông Thao mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ tiếp tục xuống sau biến đổi chậm trong những ngày đầu, có khả năng lên vào ngày cuối.
- Sông Lô: Mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang sẽ tiếp tục có dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên và ảnh hưởng của mưa trên lưu vực.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm theo xu thế xuống và chịu ảnh hưởng của thủy triều (do Hồ Hòa Bình đóng 01 cửa xả đáy lúc 16h/31/7; hồ Tuyên Quang vẫn duy trì mở 01 cửa xả đáy).

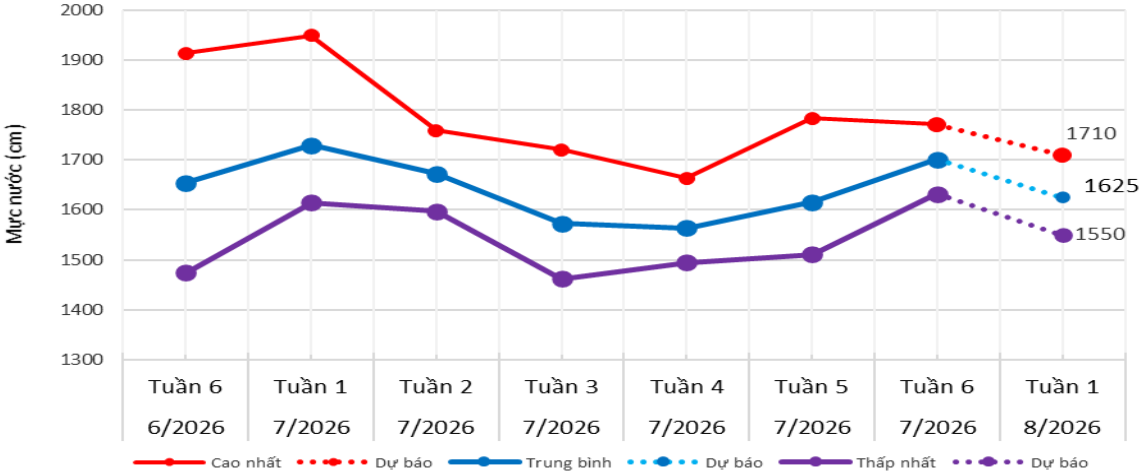
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÁI (SÔNG THAO)



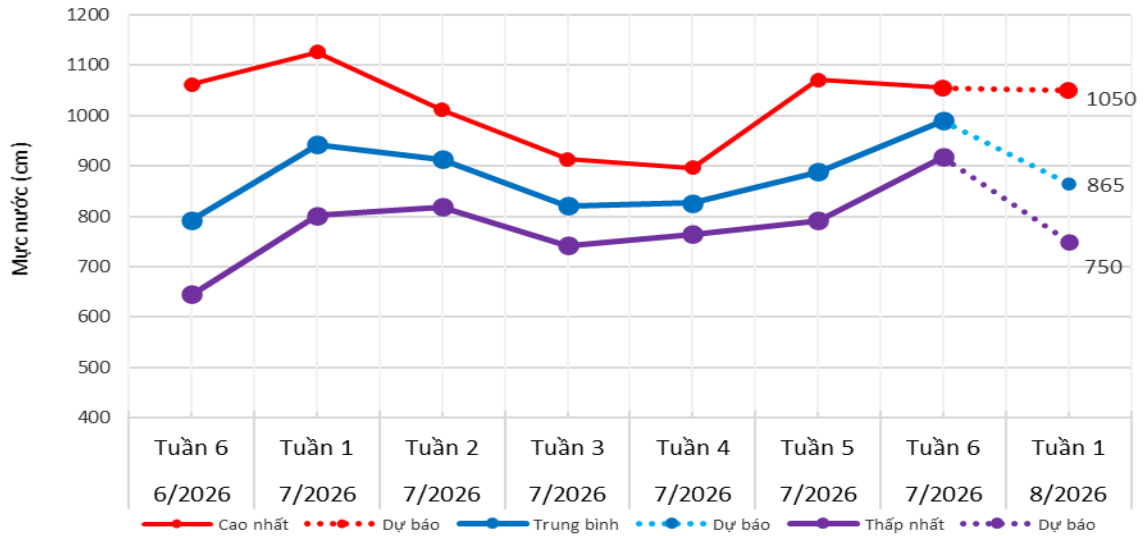
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)



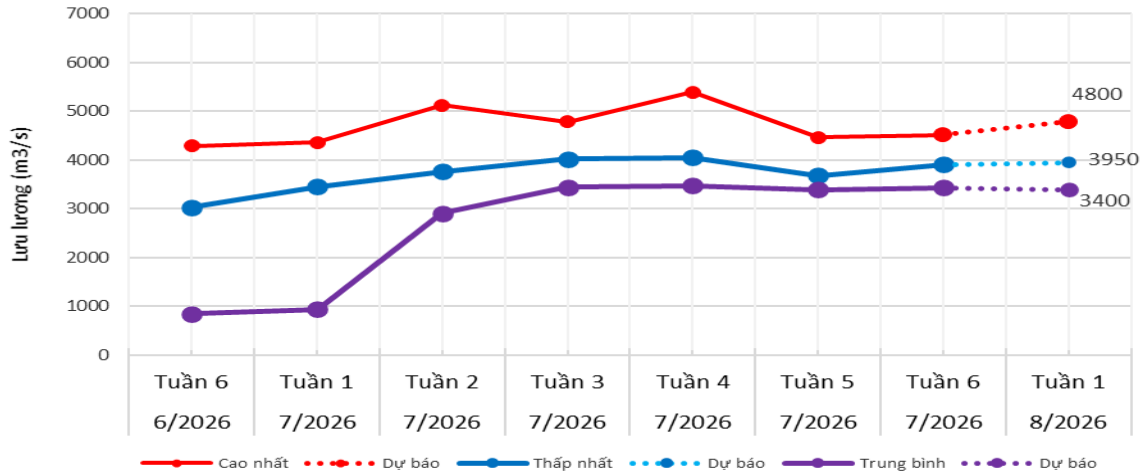
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYÊN QUANG (SÔNG LÔ)



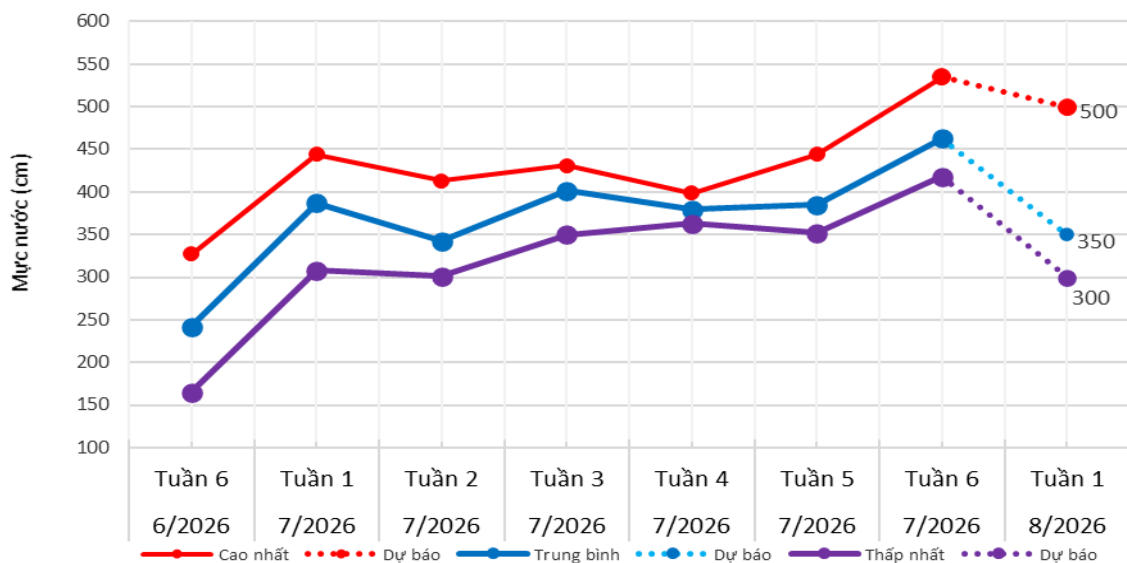
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VU QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH LƯU LƯỢNG THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÒA BÌNH (SÔNG ĐÀ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)



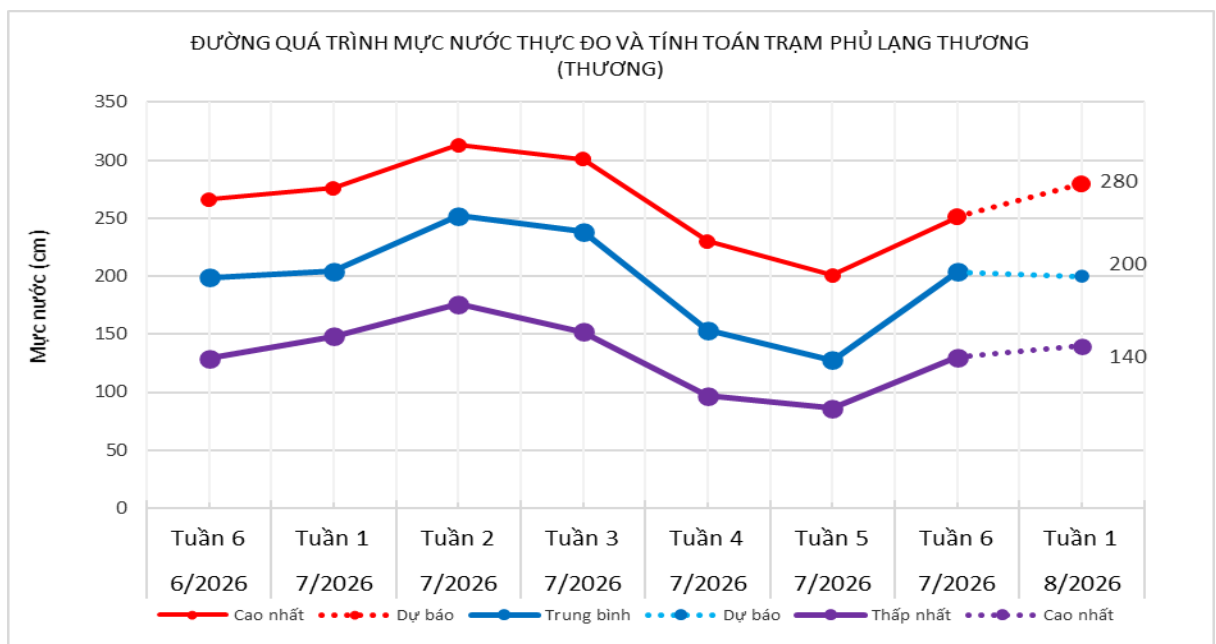
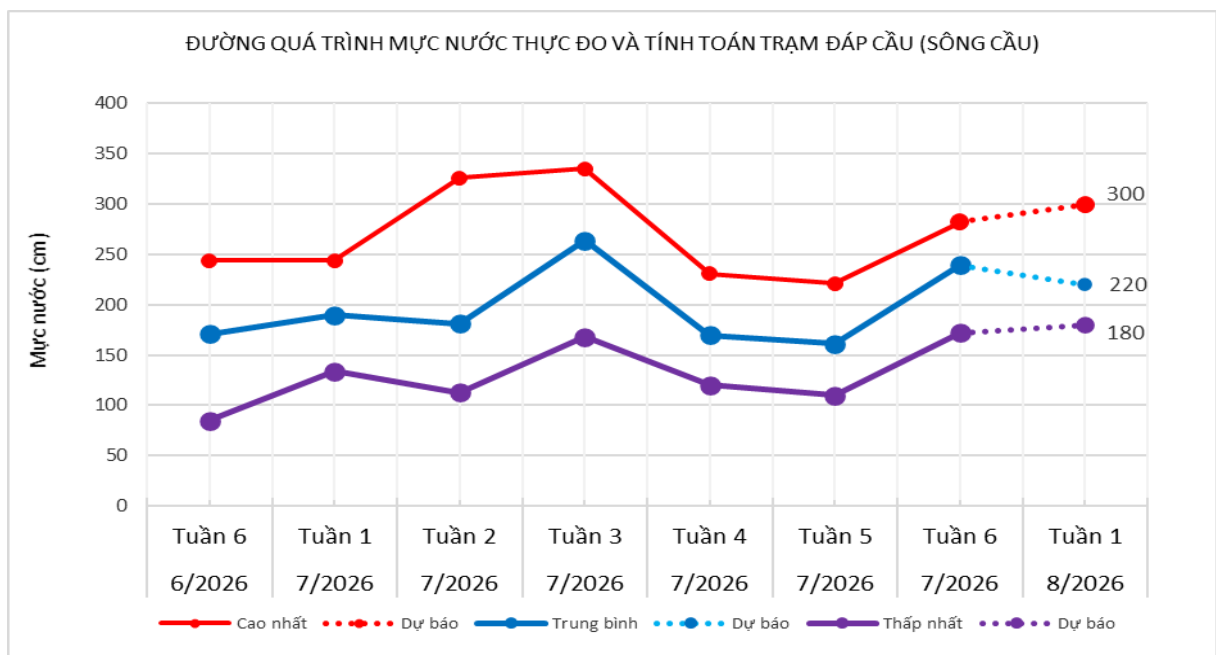
2. Lưu vực sông Thái Bình

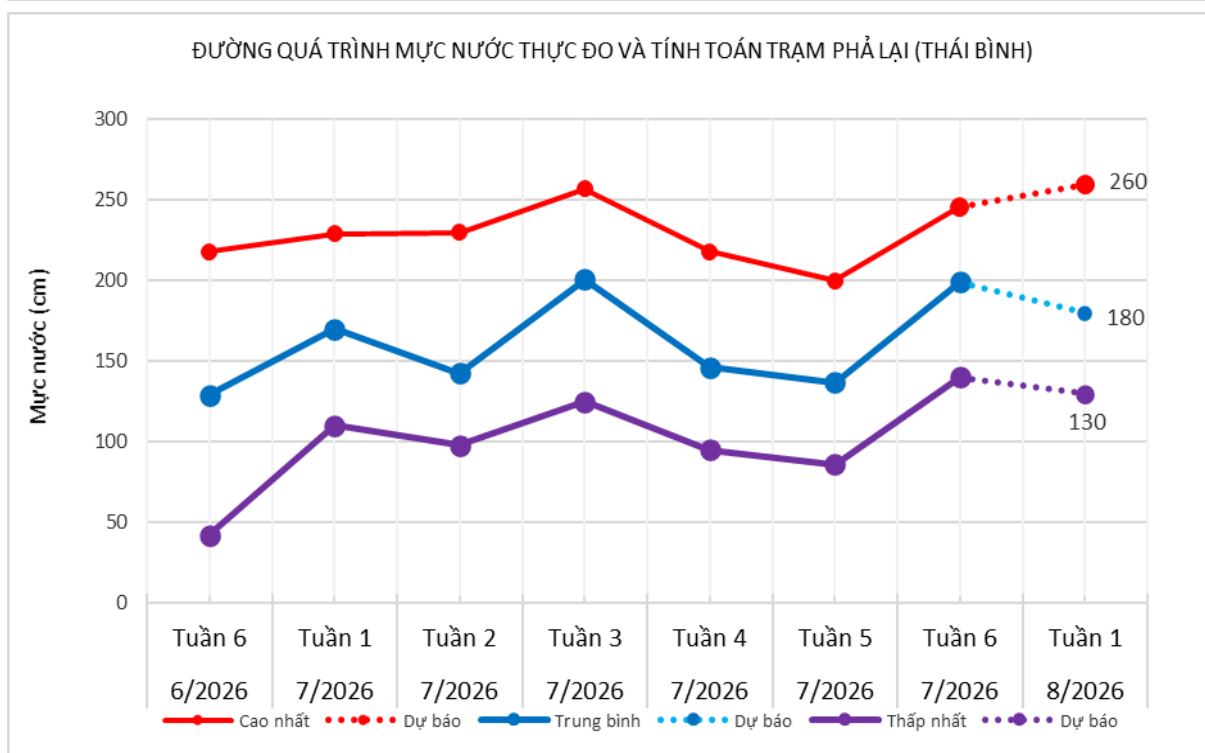
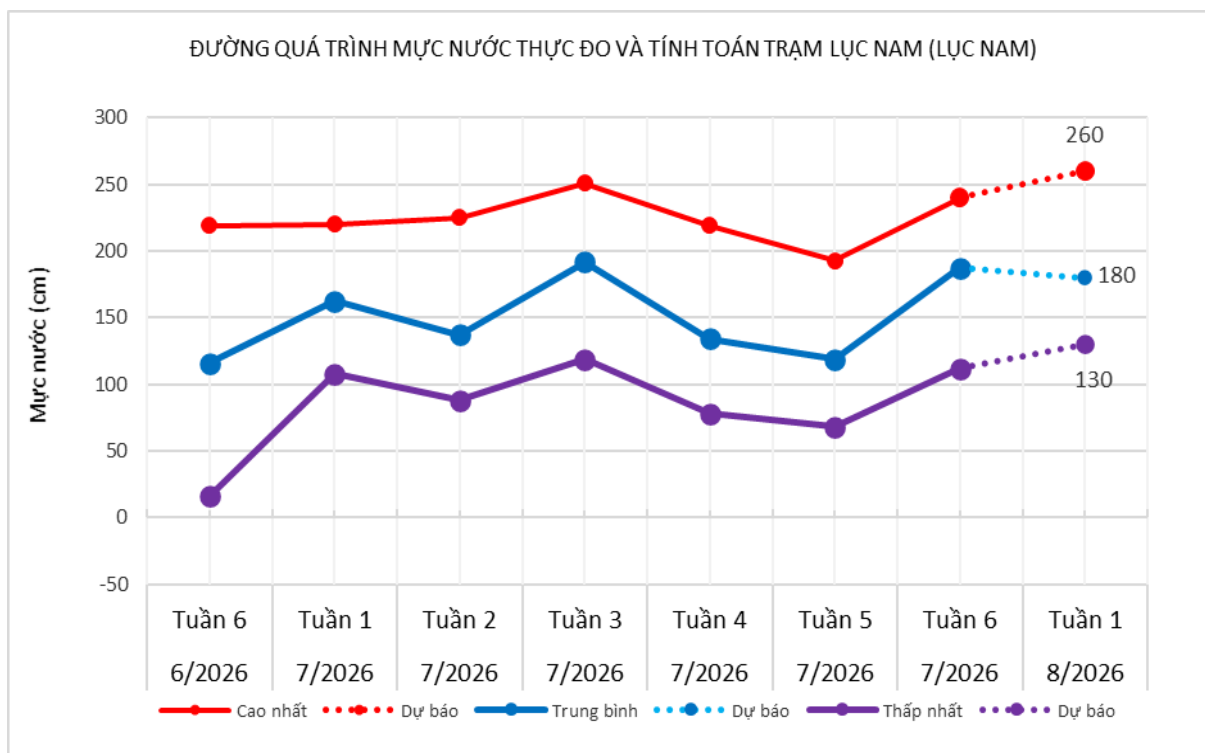
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 6 ngày qua, trên thượng lưu sông Cầu đã xuất hiện 01 đợt dao động với biên độ nước lên từ 1,0 -1,5m; thượng lưu sông Thương và sông Lục Nam biến đổi chậm. Mức nước cao nhất tại các trạm trong 5 ngày qua đều ở dưới mức BĐ1.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 05 ngày tới, mực nước các trạm ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình sẽ biến đổi chậm; mực nước tại các trạm chính khu vực hạ lưu biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.





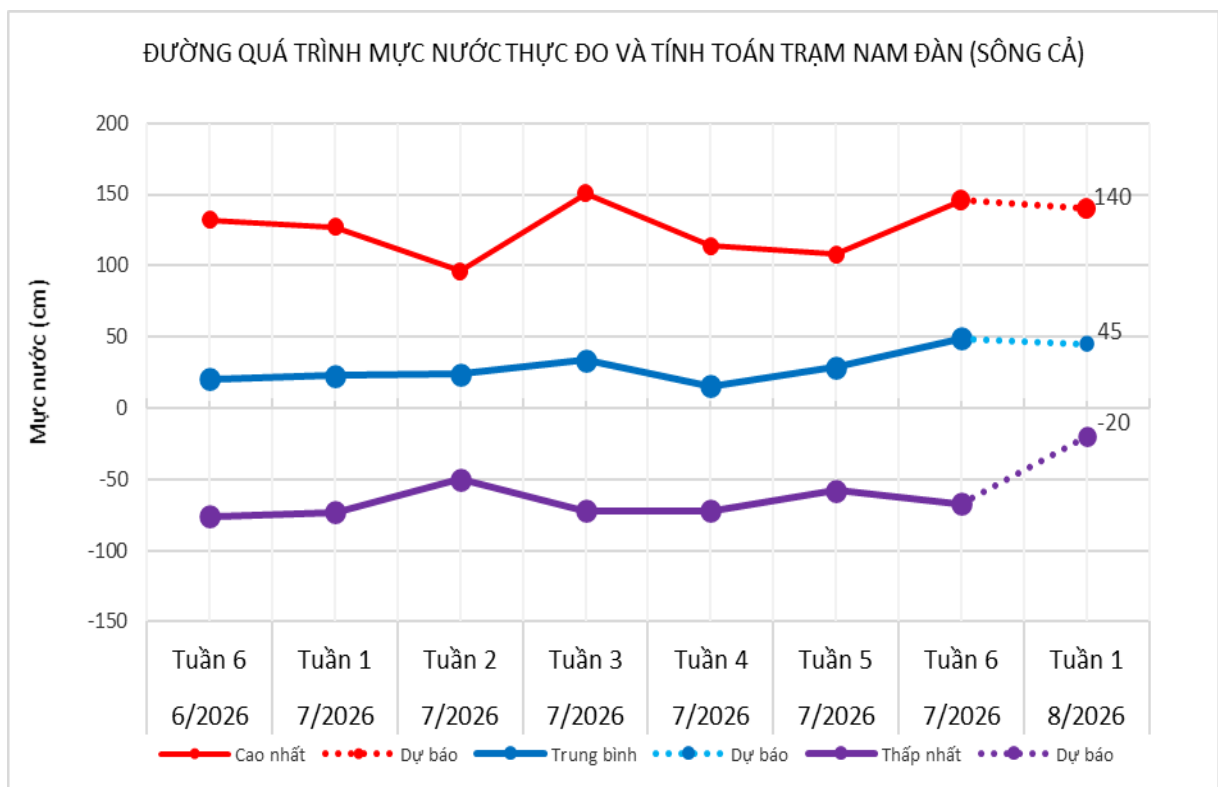
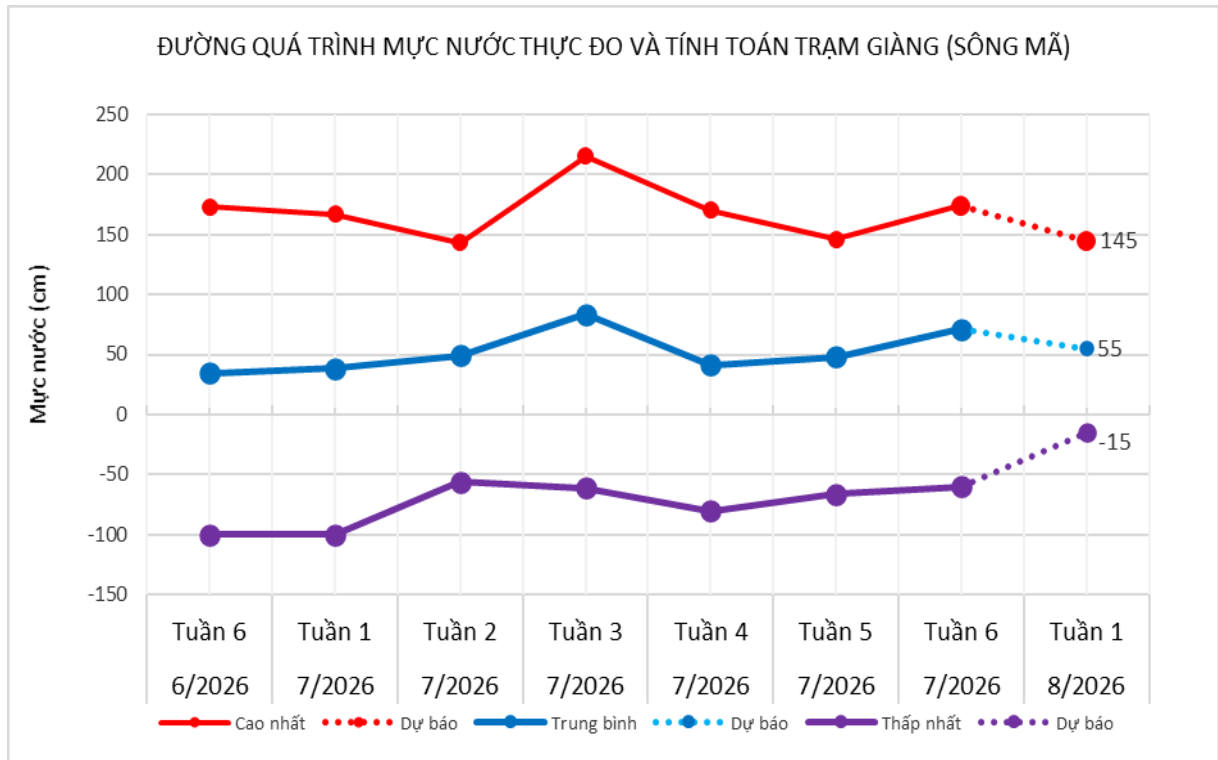
3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

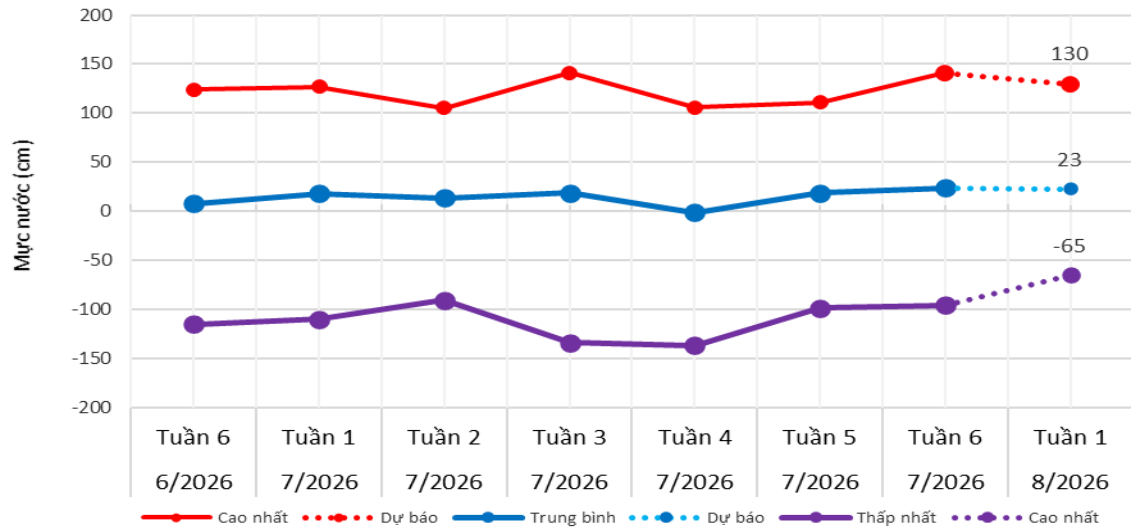
- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong 6 ngày qua, mực nước thượng lưu các sông có dao động, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.
- Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước thượng lưu các sông ở Quảng Trị có dao động, hạ lưu dao động theo thủy triều. Mực nước trên các sông ở TP Huế dao động theo vận hành của các hồ chứa.

b. Dự báo, cảnh báo

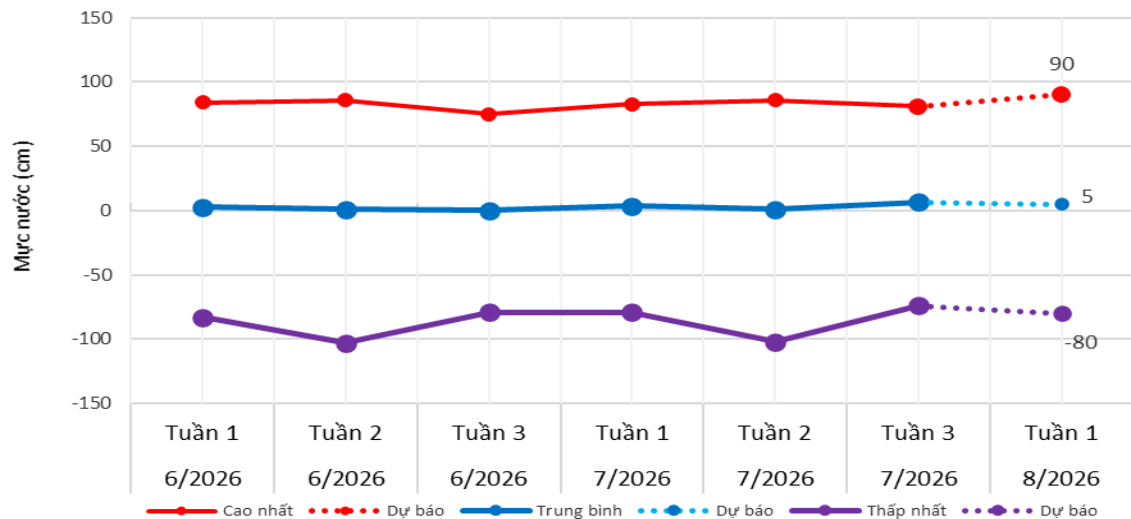
- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Mức nước thượng lưu các sông có dao động, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.
- Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mức nước thượng lưu các sông ở Quảng Trị có dao động, hạ lưu dao động theo thủy triều. Mức nước trên các sông ở TP Huế dao động theo vận hành của các hồ chứa.



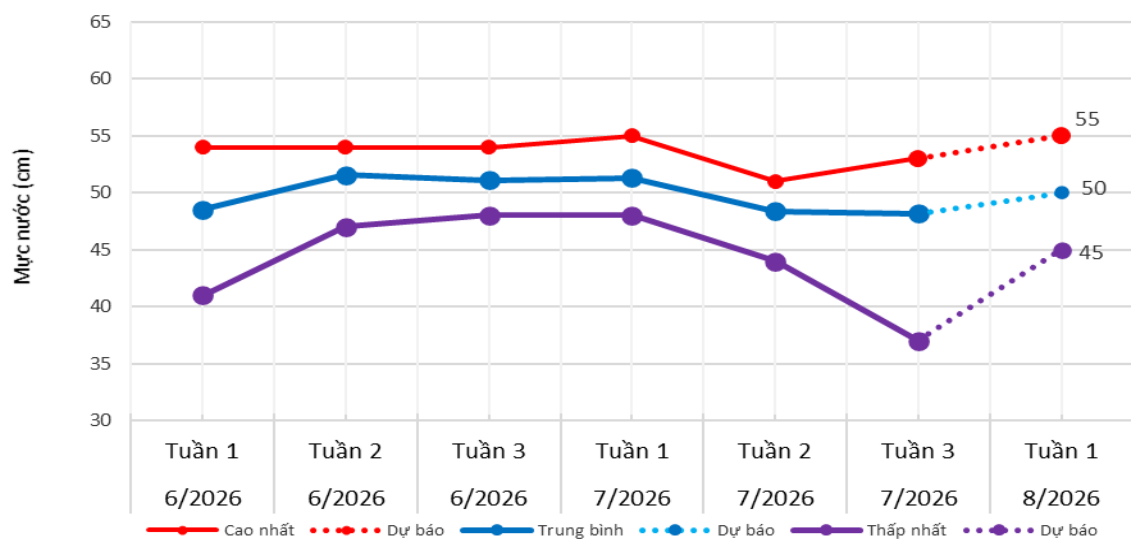
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN MAI HÓA (SÔNG GIANH)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN KIM LONG (SÔNG HƯƠNG)



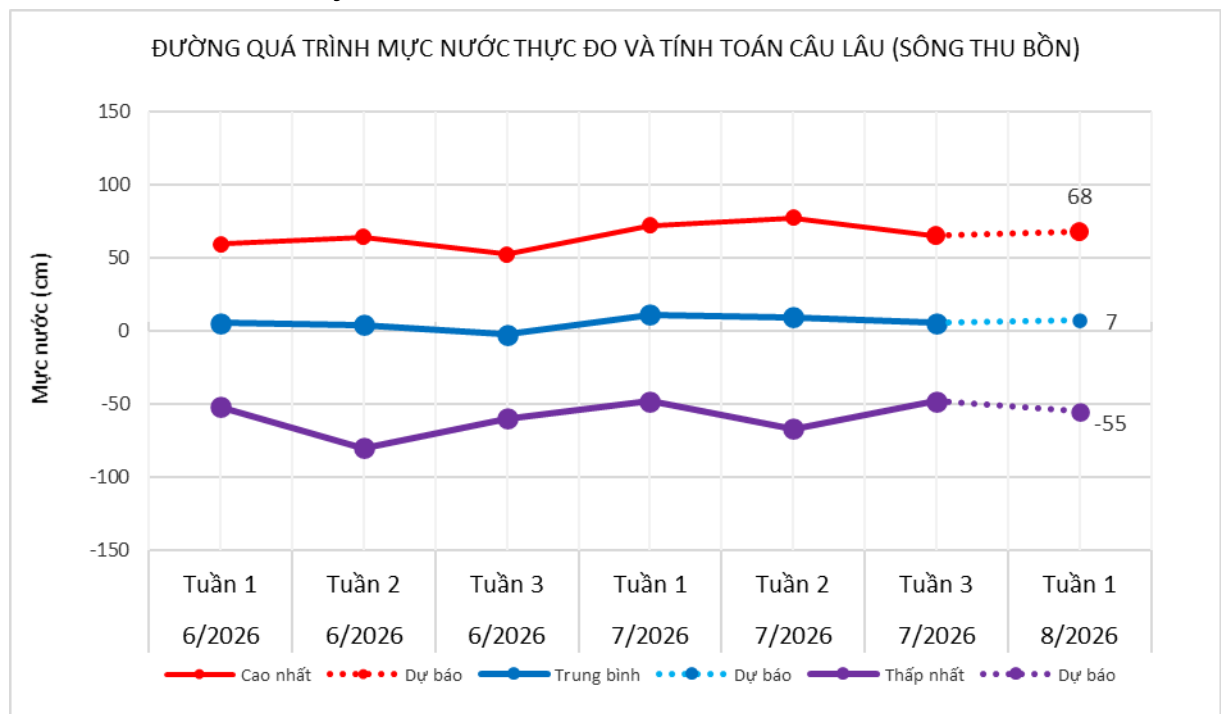
4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

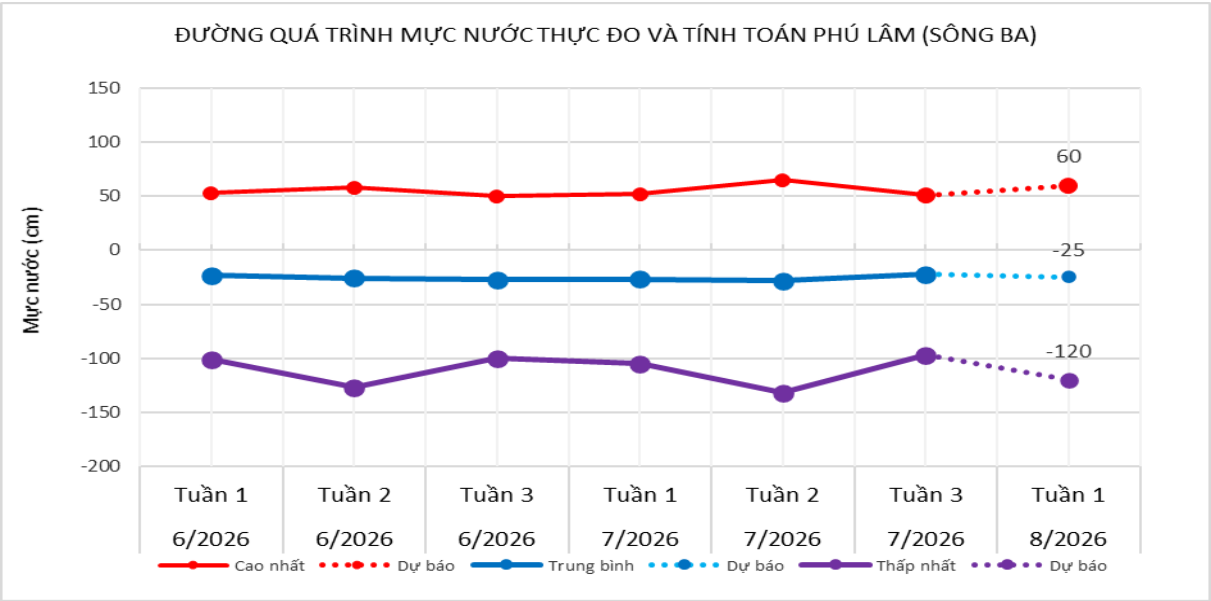
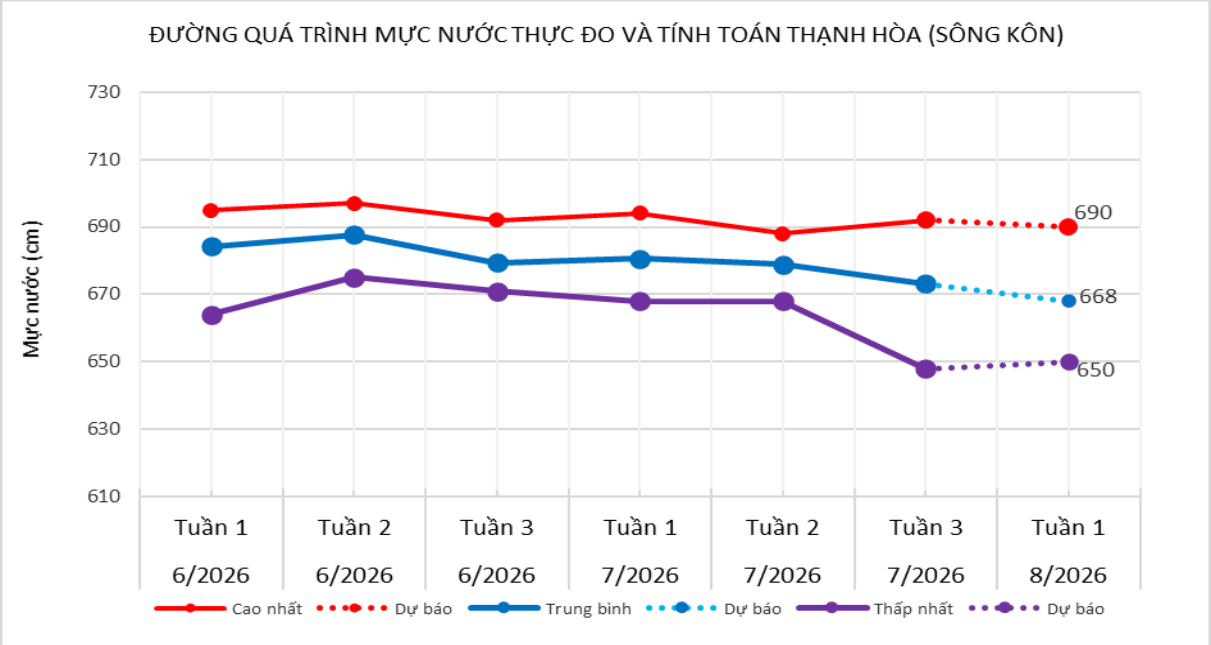
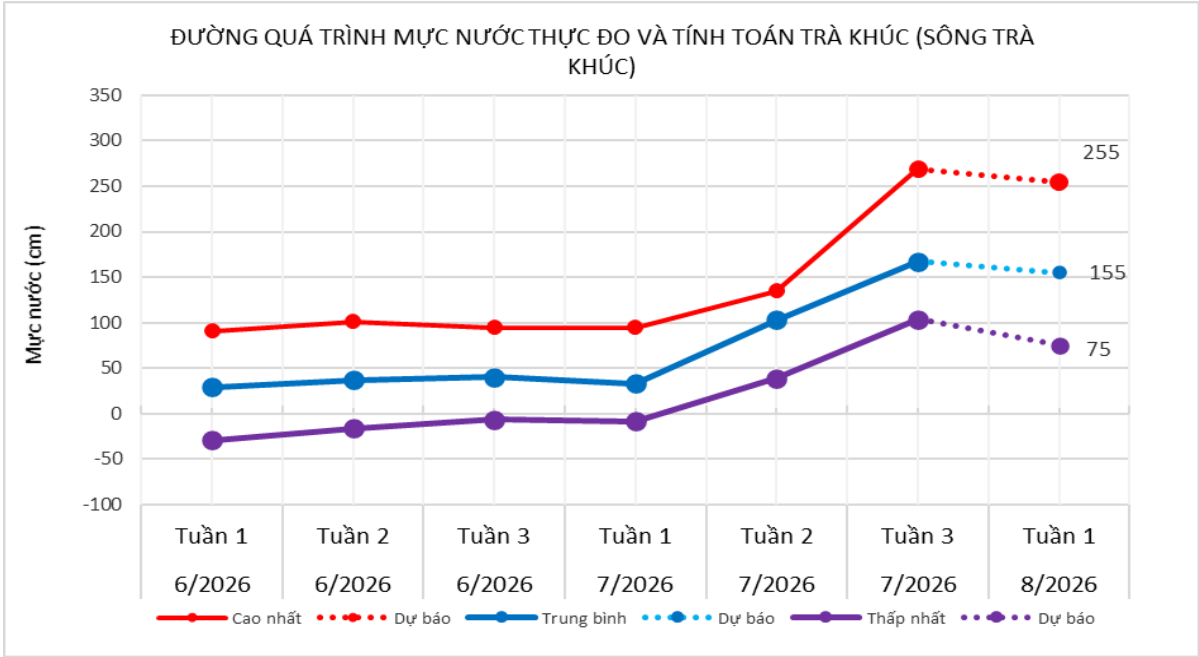
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước thượng, trung lưu các sông dao động theo vận hành của hồ chứa, hạ lưu các sông dao động do ảnh hưởng của thủy triều.
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mức nước trên các sông có xu thế biến đổi chậm. Mức nước hạ lưu sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước thượng, trung lưu các sông dao động theo vận hành của hồ chứa, hạ lưu các sông dao động do ảnh hưởng của thủy triều.
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mức nước trên các sông biến đổi chậm và có khả năng xuất hiện dao động nhỏ. Mức nước hạ lưu sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.





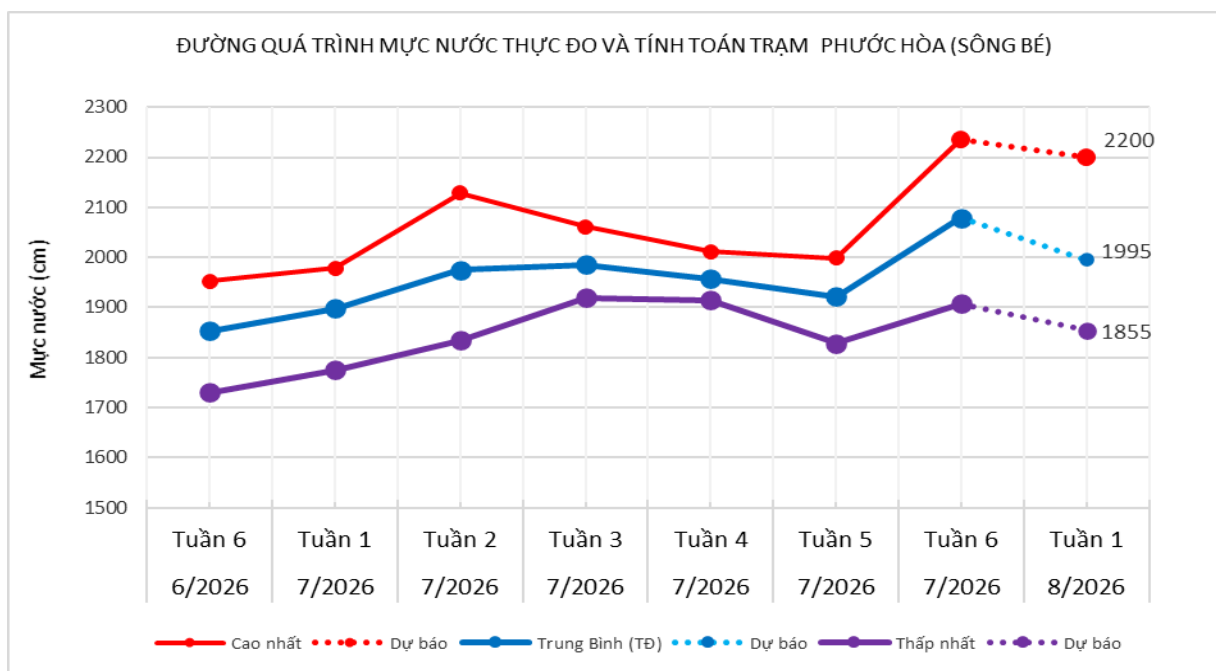
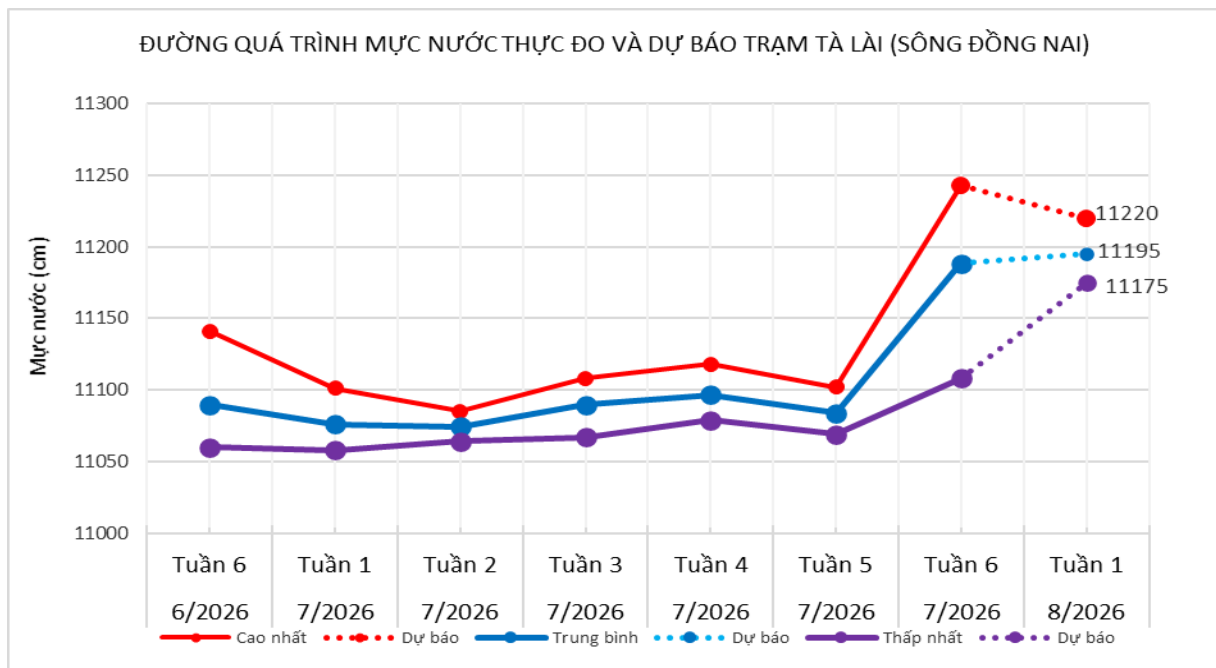
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 6 ngày qua, trên sông Đồng Nai đã xuất hiện 01 đợt lũ với mực nước đỉnh lũ tại trạm Tà Lài đạt mực 112,43m (07h ngày 29/7), dưới báo động (BD)2 0,07m. Mực nước trên sông Bé tại trạm Phước Hoà dao động mạnh theo điều tiết hồ chứa thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài khả năng có xuất hiện đợt 01 lũ, đỉnh lũ dao động trên BD1; trên sông Bé tại trạm Phước Hoà dao động theo điều tiết thủy điện thượng lưu.



6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

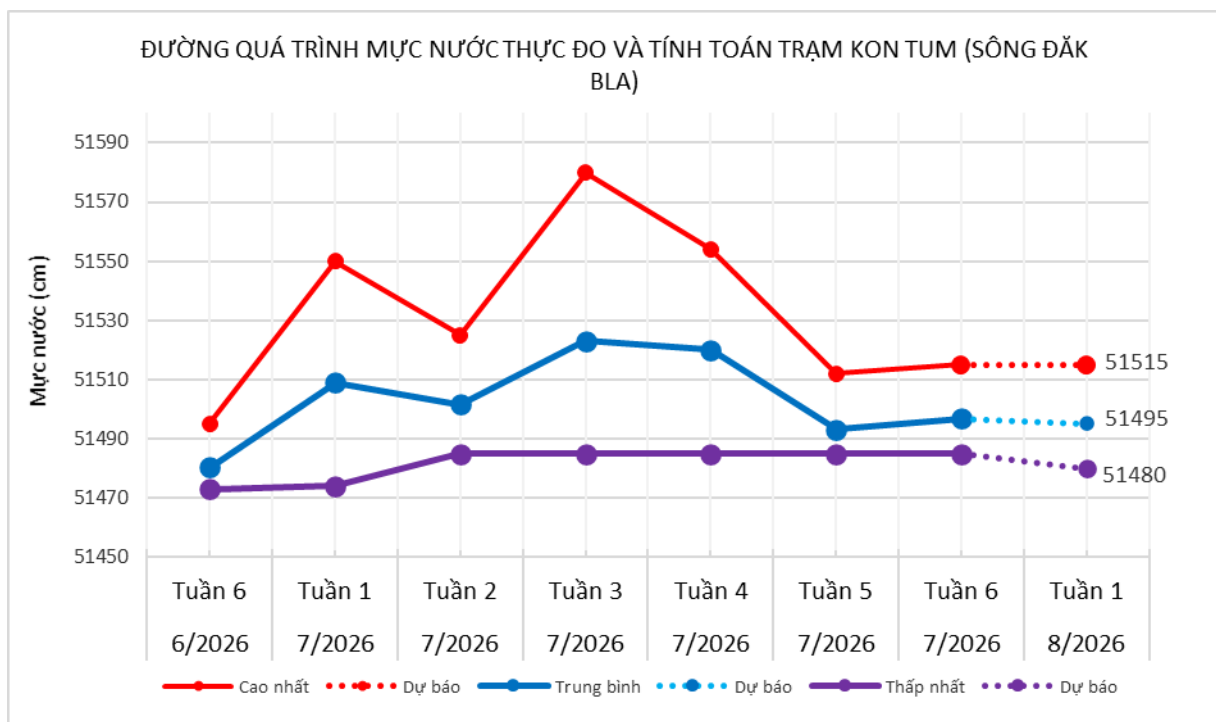
- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Trong 6 ngày qua, mực nước trên sông Đăkbla dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện; sông Krông Ana mực nước biến đổi theo xu thế lên dần.

- Sông Cửu Long: Trong 10 ngày qua, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 1,85m (ngày 31/7), trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 1,92m (ngày 31/7).

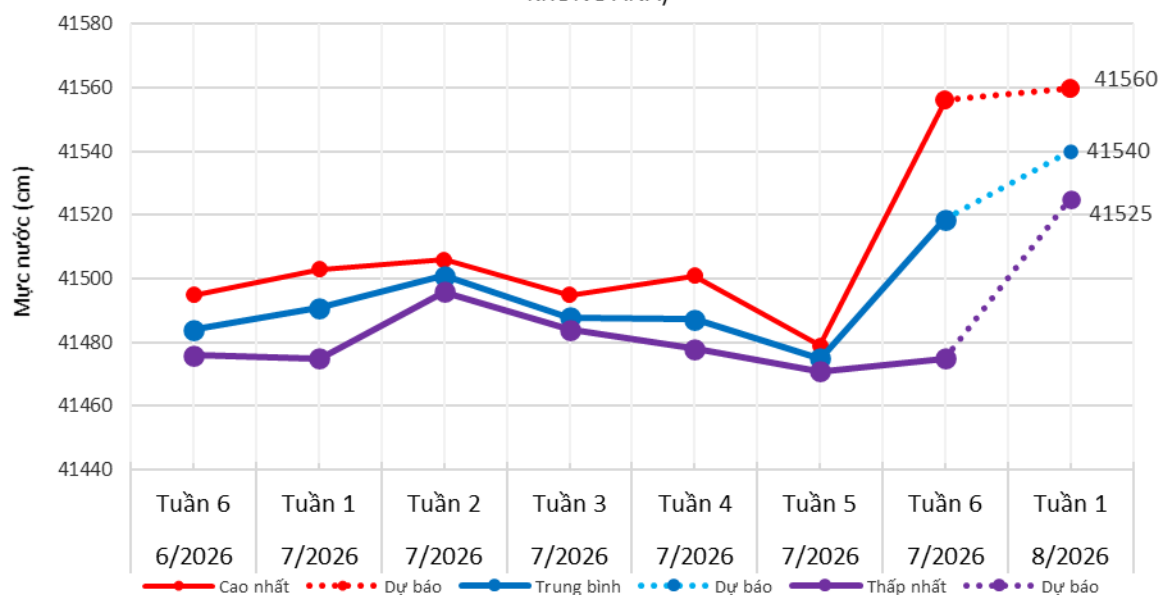
b. Dự báo, cảnh báo

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Trong 5 ngày tới, mực nước trên sông Đăkbla dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện. Mực nước trên sông Krông Ana biến đổi theo xu thế xuống dần.

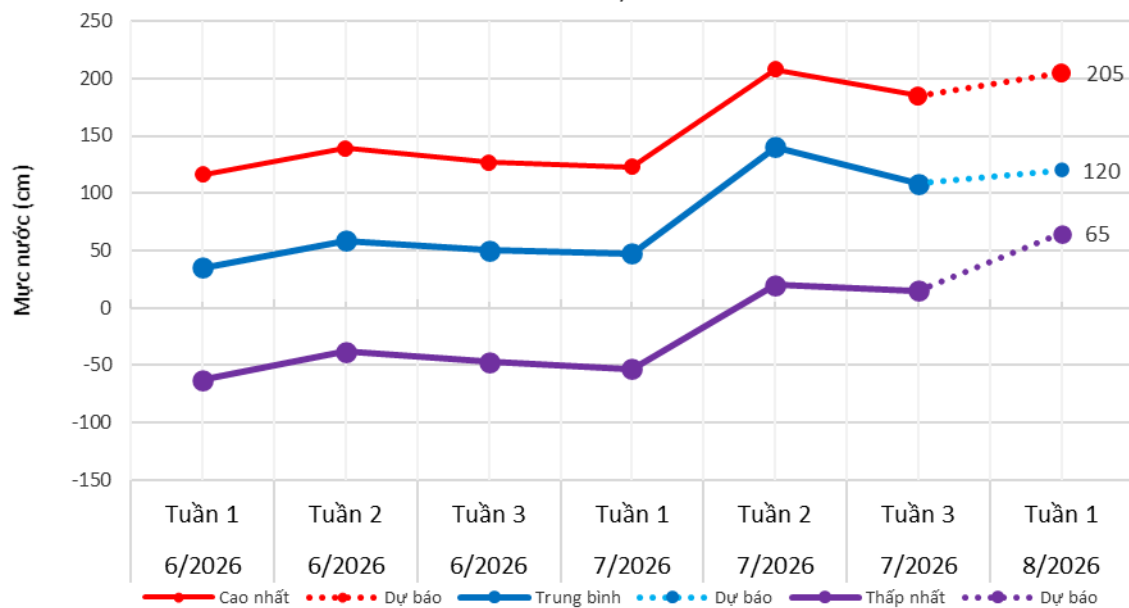
- Sông Cửu Long: Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long lên dần theo triều, sau biến đổi chậm. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức 2,05m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức 2,10m. Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước sông Cửu Long tiếp tục biến đổi chậm theo triều.

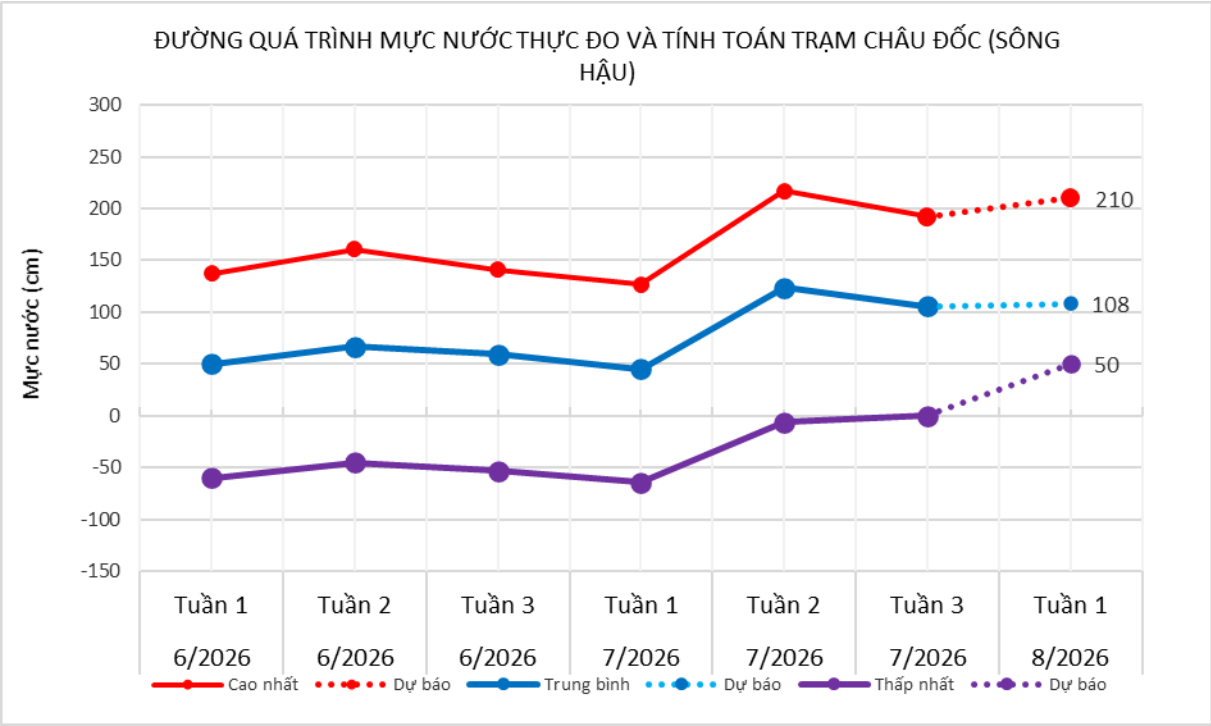


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIANG SƠN (SÔNG
KRÔNG ANA)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TÂN CHÂU (SÔNG
TIỀN)





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 06/8/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	3901	4521	3416	3950	4800	3400
Thao	Yên Bái	2669	2878	2496	2650	2800	2530
Thao	Phú Thọ	1316	1424	1229	1280	1400	1230
Lô	Tuyên Quang	1705	1784	1632	1625	1710	1550
Lô	Vụ Quang	987	1071	865	865	1050	750
Cầu	Đáp Cầu	234	282	172	220	300	180
Thương	Phủ Lạng Thương	196	251	125	200	280	140
Lục Nam	Lục Nam	181	240	110	180	260	130
Hồng	Hà Nội	459	535	418	350	500	300
Thái Bình	Phả Lại	186	235	129	180	260	130
Mã	Giàng	68	174	-60	55	145	-15
Cả	Nam Đàn	46	146	-67	45	140	-20
La	Linh Cảm	21	141	-99	23	130	-65
Đăkbla	Kon Tum	51496	51515	51485	51495	51515	51480
Krông Ana	Giang Sơn	41512	41556	41472	41540	41560	41525
Đồng Nai	Tà Lài	11171	11243	11091	11195	11220	11175
Bé	Phước Hòa	2040	2236	1870	1995	2200	1855

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Gianh	Mai Hóa	5	82	-102	6	90	-80	4	80	-75	5	90	-80
Hương	Kim Long	48	53	37	50	55	48	49	53	45	50	55	45
Thu Bồn	Câu Lâu	8	66	-63	7	68	-52	6	65	-55	7	68	-55
Trà Khúc	Trà Khúc	154	269	104	160	255	95	150	200	75	155	255	75
Kôn	Thanh Hòa	673	692	648	670	690	660	665	690	650	668	690	650
Đà Rằng	Phú Lâm	-22	47	-97	-24	55	-100	-25	60	-120	-25	60	-120
Tiền	Tân Châu	108	185	15	125	205	65	115	160	80	120	205	65
Hậu	Châu Đốc	106	192	0	115	210	50	100	170	60	108	210	50